

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/DS-ST
Ngày: 27/6/2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hồng Hải;
2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Ngọc Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Phước N, sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: thôn S, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: ông Nguyễn D, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: thôn S, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần 2, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn – bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Phước N trình bày:

Ngày 25/5/2015 vợ chồng bà H, ông N có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Diệu M1 số tiền 90.000.000 đồng để làm vốn buôn bán. Khi mượn vợ chồng bà M, ông D có hẹn thời gian ngắn buôn bán có tiền sẽ trả lại số tiền đã

mượn. Nhưng từ cuối 2016 đến nay vợ chồng bà H, ông N nhiều lần liên hệ yêu cầu vợ chồng bà M, ông D trả lại số tiền trên nhưng đến nay vợ chồng bà M, ông D vẫn chưa trả lại số tiền đã mượn. Nay vợ chồng bà H, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông D, bà M trả số tiền gốc nợ 90.000.000 (*chín mươi triệu*) đồng và vợ chồng bà H không yêu cầu trả lãi.

Tại bản tự khai, bị đơn - ông Nguyễn D trình bày: vào ngày 25/5/2015 vợ chồng ông D có mượn của vợ chồng ông N, bà H số tiền 90.000.000 đồng và hẹn sẽ hoàn trả sớm khi ông N, bà H cần. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế của gia đình gặp nhiều khó khăn nên đến nay vẫn chưa trả được nợ cho vợ chồng bà H, ông N. Nay vợ chồng H, N khởi kiện vợ chồng ông phải trả lại số tiền nợ 90.000.000 (*chín mươi triệu*) đồng, ông thống nhất nhưng cho ông góp mỗi tháng 1.000.000 (*một triệu*) đồng cho đến khi trả xong nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị M không hợp tác, cố tình không đến Tòa án làm việc, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà M không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: ông Nguyễn D, bà Nguyễn Thị Minh cư T tại thôn S, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông D, bà M trả số tiền nợ đã vay, vì vậy quan hệ pháp luật giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Quế Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng: hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Phước N với vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn D được thực hiện dưới hình thức giấy cam kết do các bên lập ngày 25/5/2015. Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện:

Theo giấy cam kết lập ngày 25/5/2015 thì Bên A là bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Phước N cho bên B – ông Nguyễn D, bà Nguyễn Thị M vay tài sản là tiền mặt, số tiền 90.000.000 đồng và các bên tự thỏa thuận bên B sẽ hoàn trả số tiền khi nào bên A yêu cầu. Tuy nhiên, từ cuối năm 2016 đến nay vợ chồng bà H, ông N đã nhiều lần liên hệ nhưng vợ chồng ông D, bà M vẫn cố tình trốn tránh không chịu trả lại số tiền đã vay. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn D có văn bản thừa nhận vào ngày 25/5/2015 vợ chồng ông có mượn của vợ chồng ông N, bà H số tiền 90.000.000 đồng để làm ăn, buôn bán nhưng do điều kiện kinh tế gia đình gặp khó khăn đến nay vẫn chưa trả được nợ. Vì vậy, vợ chồng bà H, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà M, ông D trả số tiền nợ 90.000.000 (*chín mươi triệu*) đồng và bà H, ông N không yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông D, bà M có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà H, ông N số tiền 90.000.000 (*chín mươi triệu*) đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều

463, Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Phước N về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn D có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Phước N số tiền 90.000.000 (*chín mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 4.500.000 (*bốn triệu năm trăm nghìn*) đồng vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn D phải chịu. Trả lại cho bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Phước N 2.250.000 (*hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010665 ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Sen